VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 70/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tuyển chọn và chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển chọn

1. Thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy trình, quy định trong công tác tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Tuyển đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, lấy tiêu chuẩn từ cao xuống thấp; thực hiện dân chủ, công bằng, công khai, an toàn, tiết kiệm; đúng đối tượng, tiêu chuẩn, thời gian theo quy định của pháp luật.

3. Đề cao trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn.

4. Ưu tiên tuyển chọn và gọi thực hiện nghĩa vụ những công dân đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên, có năng khiếu hoặc chuyên môn cần thiết cho công tác, chiến đấu của Công an nhân dân.

Chương II
TUYỂN CHỌN VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 4. Đối tượng tuyển chọn và thời gian phục vụ

1. Công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nêu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể độ tuổi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị sử dụng và quy định ngành nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với nhu cầu sử dụng trong từng thời kỳ.

3. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là 24 tháng. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhưng không quá 06 tháng trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Công an nhân dân năm 2018.

Thời gian thực hiện nghĩa vụ được tính từ ngày giao nhận công dân; trong trường hợp không giao nhận tập trung thì tính từ ngày đơn vị Công an nhân dân

tiếp nhận đến khi được cấp có thẩm quyền quyết định xuất ngũ. Thời gian đào ngũ, thời gian chấp hành hình phạt tù không được tính vào thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 5. Tiêu chuẩn tuyển chọn

Công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân khi có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có lý lịch rõ ràng.

2. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; có phẩm chất, đạo đức tư cách tốt, được quần chúng nhân dân nơi cư trú hoặc nơi học tập, công tác tín nhiệm.

3. Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ nghĩa vụ trong Công an nhân dân.

4. Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. Các xã miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển công dân có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

5. Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 6. Hồ sơ tuyển chọn

Công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân nộp cho Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an cấp xã) nơi công dân có hộ khẩu thường trú các giấy tờ sau:

1. Tờ khai đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang công tác, học tập.

2. Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 7. Trình tự tuyển chọn

Việc tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thực hiện theo các bước như sau:

1. Công an cấp xã căn cứ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được giao trên địa bàn xã, tiến hành:

a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thông báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo;

b) Tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng ký dự tuyển và tổ chức sơ tuyển (chiều cao, cân nặng, hình thể); báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ) của những trường hợp đạt yêu cầu qua sơ tuyển về Công an cấp huyện;

2. Công an cấp huyện tiến hành tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, như sau:

a) Trưởng Công an cấp huyện ra lệnh gọi khám sức khỏe cho công dân theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015. Lệnh gọi khám sức khỏe phải được giao cho công dân trước thời điểm khám sức khỏe mười lăm ngày;

b) Tổ chức thẩm tra lý lịch, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với những trường hợp đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe cấp huyện;

c) Báo cáo Hội đồng nghĩa vụ quân sự trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh sách công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

d) Căn cứ danh sách công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện duyệt, Trưởng Công an cấp huyện ra lệnh gọi từng công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 8. Chế độ, chính sách

1. Trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện, công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với công dân trong thời gian thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

2. Trong thời gian phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại Điều 50 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Điều 9. Chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có thời gian phục vụ tại ngũ từ 15 tháng đến dưới 24 tháng (tính đến thời điểm dự thi), kết quả phân loại hằng năm đạt hoàn thành nhiệm vụ trở lên, bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân thì được xét, dự tuyển vào các học viện, trường Công an nhân dân theo quy định về tuyển sinh Công an nhân dân, tốt nghiệp ra trường được phong cấp bậc hàm sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hết thời hạn phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu sử dụng của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xét chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp. Tiêu chuẩn và tỷ lệ chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp đối với hạ sĩ quan nghĩa vụ hết hạn phục vụ tại ngũ thực hiện theo quy định của Bộ Công an. Việc xét tuyển phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch và công bằng với mọi đối tượng.

Điều 10. Xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ hết thời hạn phục vụ tại ngũ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này thì được xuất ngũ.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có thể được xuất ngũ trước thời hạn khi được Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh hoặc Hội đồng y khoa Bộ Công an kết luận không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ tại ngũ hoặc các trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 1; các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015.

3. Cục trưởng và chức vụ tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định xuất ngũ đối với từng hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc quyền; tổ chức lễ tiễn hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giao quân.

4. Thời hạn xuất ngũ phải được thông báo trước 30 ngày cho hạ sĩ quan, chiến sĩ và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi giao quân hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập trước khi nhập ngũ.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan, tổ chức phải tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan, chiến sĩ xuất ngũ.

6. Hạ sĩ quan, chiến sĩ hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trong thời hạn 15 ngày làm việc phải đến cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG TUYỂN CHỌN, GỌI CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các cấp phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân sự địa phương tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong công tác tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật liên quan.

3. Căn cứ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và nhu cầu sử dụng, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hằng năm. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân bổ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho đơn vị thuộc quyền ở từng địa phương cấp tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương phối hợp chặt chẽ với cơ quan Công an cùng cấp trong công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, đảm bảo đủ nguồn tuyển công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công an xây dựng và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện quy định về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trong nhân dân; chỉ đạo và thực hiện tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định tại Điều 35 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015;

b) Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị ở địa phương; vai trò tham mưu của cơ quan công an các cấp và trách nhiệm của trưởng thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư, ấp, bản, làng, phum, sóc trong tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

c) Giao chỉ tiêu phù hợp với nguồn tuyển của từng địa phương. Phối hợp với đơn vị tiếp nhận công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân bù đổi những công dân đã gọi thực hiện nghĩa vụ vào đơn vị công an nhưng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn (nếu có);

d) Chỉ đạo các ban, ngành liên quan phối hợp với cơ quan công an cùng cấp tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ đạo Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đúng quy định, bảo đảm đủ chỉ tiêu, chất lượng tuyển chọn.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ đạo Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đúng quy định, bảo đảm đủ chỉ tiêu, chất lượng tuyển chọn.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ đạo Hội đồng nghĩa vụ quân sự, Ban Chỉ huy quân sự phối hợp với Công an cấp xã tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đúng quy định, đủ số lượng, bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, chất lượng, hiệu quả.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận công dân thực hiện nghĩa vụ

Đơn vị tiếp nhận công dân thực hiện nghĩa vụ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 15. Trách nhiệm của công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ

1. Có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi. Nếu có lý do chính đáng mà không thể đến đúng thời gian, địa điểm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc và báo cáo Trưởng Công an cấp huyện.

2. Trong thời gian phục vụ tại ngũ thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm và những việc sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không được làm quy định tại Điều 31, Điều 32 Luật Công an nhân dân năm 2018.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Công dân không có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân mà không có lý do chính đáng, đào ngũ khi đang thực hiện nghĩa vụ thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo Điều lệnh Công an nhân dân; xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Khiếu nại, tố cáo

Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại đối với hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình do cán bộ, cơ quan công an thực hiện trong quá trình tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Cá nhân có quyền tố cáo các hành vi gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và thay thế Nghị định số 129/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

(Kèm theo Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dán ảnh
4 x 6 cm (1)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên khai sinh (2): .....

Sinh ngày (3):..... tháng..... năm..... Nam □ Nữ □

Nơi sinh (4):.....

Quê quán (5): .....

Dân tộc (6):..... Quốc tịch:..... Tôn giáo (7):.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (8):.....

.....

Nơi ở hiện nay (9):.....

.....

Nghề nghiệp (10): .....

Trình độ giáo dục phổ thông (11):.....

Trình độ chuyên môn cao nhất (12): .....

Ngoại ngữ (13):.....Tin học (14): .....

Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: .....

Nơi kết nạp:.....

Ngày vào Đảng cộng sản Việt Nam: .....

Ngày chính thức:.....

Nơi kết nạp:.....

Số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại báo tin: .....

Tình trạng sức khỏe (15):..... Chiều cao: .....

Cân nặng:..... Nhóm máu: .....

Các bệnh kinh niên, truyền nhiễm: .....

Gia đình chính sách (16):.....

II. LỊCH SỬ BẢN THÂN

1. Quá trình học tập công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Học tập, tốt nghiệp tại cơ sở đào tạo nào ở đâu hoặc làm công việc gì tại cơ quan, đơn vị, tổ chức công tác nào, ở đâu	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo

2. Những đặc điểm về lịch sử bản thân

Tháng, năm	Hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử lý, cơ quan xử lý

3. Khen thưởng

Tháng, năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Cấp quyết định

4. Kỷ luật

Tháng, năm	Lý do và hình thức kỷ luật	Cấp quyết định

III. QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Ghi rõ họ tên, từng người, năm sinh, quê quán, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, chức vụ, đơn vị công tác hay học tập, quá trình học tập theo từng thời gian, thái độ chính trị; đặc điểm lịch sử (có ai vi phạm pháp luật không, nếu có thì ghi rõ tội danh, bị cơ quan nào xử lý, mức độ và thời gian chấp hành hình phạt, thái độ chính trị hiện nay ?)

1. Cha, mẹ, anh chị em ruột

1.1. Cha, mẹ (kể cả mẹ nuôi, người nuôi dưỡng hợp pháp):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

1.2. Anh, chị em ruột:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Vợ (chồng), con

2.1. Vợ (chồng):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2.2. Con (kể cả con nuôi):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Ông, bà nội

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Ông, bà ngoại

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

5. Bên gia đình vợ (chồng)

5.1. Cha, mẹ, anh, chị, em ruột của vợ (chồng):

a) Cha, mẹ (kể cả cha mẹ nuôi, người nuôi dưỡng):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) Anh, chị, em ruột:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5.2. Ông, bà nội:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5.3. Ông, bà ngoại:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

IV. QUAN HỆ XÃ HỘI

Ghi rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp, nơi làm việc, chỗ ở hiện nay của những người có quan hệ thân thiết đối với bản thân (kể cả người nước ngoài).
....

V. TỰ NHẬN XÉT VỀ BẢN THÂN

Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, năng lực và sở trường công tác...
....

VI. CAM ĐOAN VỀ LÝ LỊCH CỦA BẢN THÂN

.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

VII. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NƠI ĐĂNG KÝ HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ HOẶC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC NƠI CÔNG DÂN LÀM VIỆC

_____

_____

_____

_____

_____

....., ngày..... tháng..... năm.....

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN, ĐƠN VỊ

(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ảnh màu (4 x 6 cm) được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày ghi tờ khai, dán và đóng dấu giáp lai.

(2) Họ và tên khai sinh: Viết chữ in hoa đúng với họ và tên trong Giấy khai sinh.

(3) Sinh ngày: Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh đúng như trong Giấy khai sinh.

(4) Nơi sinh: Ghi tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc Trung ương) nơi được sinh ra (ghi đúng như trong Giấy khai sinh). Nếu có thay đổi địa danh đơn vị hành chính thì ghi (tên cũ), nay là (tên mới).

(5) Quê quán: Ghi theo Giấy khai sinh hoặc Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân (việc xác định quê quán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp). Ghi rõ tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc Trung ương).

(6) Dân tộc: Ghi rõ tên dân tộc theo quy định của Nhà nước như: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Ê Đê...

(7) Tôn giáo: Đang theo tôn giáo nào thì ghi tên tôn giáo đó như: Công giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo... Nếu không theo tôn giáo nào thì không được bỏ trống mà ghi là "không".

(8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ghi đầy đủ số nhà, đường phố, thành phố hoặc xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

(9) Nơi ở hiện nay: Ghi đầy đủ số nhà, đường phố, thành phố hoặc xóm, thôn, xã, huyện tỉnh nơi mình đang ở hiện tại.

(10) Nghề nghiệp: Ghi rõ nghề nghiệp đã, đang làm. Nếu chưa có nghề, sống phụ thuộc vào gia đình thì ghi cụ thể là “không nghề nghiệp”.

(11) Trình độ giáo dục phổ thông: Đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào.

(12) Trình độ chuyên môn cao nhất: Tiến sỹ khoa học, Tiến sỹ, Thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp... thuộc chuyên ngành đào tạo nào.

(13) Ngoại ngữ: tên ngoại ngữ + trình độ đào tạo A, B, C, D...

(14) Tin học: Trình độ A, B, C, kỹ sư, cử nhân, Thạc sỹ, Tiến sĩ.

(15) Tình trạng sức khỏe: Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: Tốt, trung bình, kém tại thời điểm kê khai.

(16) Gia đình chính sách: Ghi rõ con thương binh loại gì, hưởng chế độ như thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam...